

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tại thời điểm 31/12/2022

HÀ NỘI, THÁNG 02 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

04 - 05

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

06 - 13

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2022.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương, trước đó lần lượt là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hapaco và Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép số 16/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29/12/2006 và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: **35.000.000.000 VND** (Ba mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Bộ phận Kiểm soát nội bộ

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Bộ phận kiểm soát nội bộ điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Chức vụ

Ông Lê Minh Thành

Chủ tịch

Ông Lê Đình Quang

Thành viên

Bà Lê Thị Quỳnh Trang

Thành viên

Tổng Giám đốc

Chức vụ

Ông Trịnh Quốc Bình

Tổng Giám đốc

Bộ phận Kiểm soát nội bộ

Chức vụ

Bà Hoàng Thị Cẩm Anh

Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2022 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022, phù hợp với quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS



Trịnh Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Số : 12.2/2023/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 02 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 13 đã được lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2022 phù hợp quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2022 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa,
quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviet.vn / Web: www.aascn.com.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2022 đã được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2023

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài
chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2023-152-1

Kiểm toán viên

Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2021-152-1

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn chủ sở hữu			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	35.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)	297.571.576		
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	595.143.152		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(593.762.024)		
9	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản (i)	13.409.728.243		
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính (ii)		10.606.183.193	-
14	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			38.102.497.754
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn		-	
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9		-	
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6		-	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		3.000.000.000	
	Phải thu của khách hàng		-	
1	- Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2	Trả trước cho người bán		3.000.000.000	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

3	Phải thu hoạt động nghiệp vụ			
	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		213.932.954	
4	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			-
	- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
6	Các khoản phải thu khác			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		702.791.160	
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	Hàng tồn kho			-
V	Tài sản ngắn hạn khác			-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn			-
2	Thuế GTGT được khấu trừ			-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			-
4	Tài sản ngắn hạn khác			-
4.1	Tạm ứng			-
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			-
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			-
4.2	Tài sản ngắn hạn khác			-
1B	Tổng		3.916.724.114	
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	- Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

(i) Số dư dự phòng suy giảm tài sản:

	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	10.606.183.193
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	831.573.429
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.971.971.621
Cộng	<u>13.409.728.243</u>

(ii) Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính:

	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá thị trường</u>	<u>Chênh lệch</u>
Giá trị tăng thêm			
Chứng khoán niêm yết			
+ Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (Mã: OCH)	6.595.879.000	2.960.000.000	(3.635.879.000)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư PVR Hà Nội (Mã: PVR)	8.125.169.500	3.013.400.000	(5.111.769.500)
+ Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang (Mã: ANT)	2.704.150.150	1.350.050.000	(1.354.100.150)
+ Công ty Cổ phần Everpia (Mã: EVE)	1.295.620.313	1.092.634.400	(202.985.913)
Chứng khoán hủy niêm yết			
+ Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Lâm thủy sản Bến Tre (Mã: FBT)	301.448.630	-	(301.448.630)
Cộng	<u>19.022.267.593</u>	<u>8.416.084.400</u>	<u>(10.606.183.193)</u>

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2022
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			8.240.211.901	-
1	Tiền mặt (VND)	0	740.211.901	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	7.500.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ			-	-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung Ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			-	-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

B. RỦI RO THANH TOÁN								
Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
Hệ số rủi ro	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%		
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1	Tiền gửi kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	1.406.196.822	114.293.137	1.520.489.959
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro			
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%			-			
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%			-			
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%			-			
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%	831.573.429		831.573.429			
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)								
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro			
1	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	20%	452.958.082		90.591.616			
2	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh	10%	275.090.795		27.509.080			
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20%	450.147.945		90.029.589			
4	Ngân hàng TMCP Phương Đông	10%	228.000.000		22.800.000			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)	2.582.993.673
---	---------------

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong năm 2022	12.382.214.739
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	9.100.160.051
	1. Chi phí khấu hao	4.637.500
	2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	9.411.416.520
	3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(315.893.969)
4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	3.282.054.688
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	820.513.672
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max{IV,V})		5.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		11.862.101.857

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4.279.108.184	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	2.582.993.673	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	11.862.101.857	
5	Vốn khả dụng	34.025.392.066	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	287%	

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LEADVISORS

Kế toán trưởng

Nguyễn Nguyệt Minh

Trưởng phòng Kiểm
soát nội bộ

Hoàng Thị Cẩm Anh

Tổng Giám đốc

Trịnh Quốc Bình